

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả thi tuyển nhân sự đợt 1 năm 2026**

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Vị trí dự tuyển	Thi giảng/viết (Tổng điểm 100)	Điểm phỏng vấn (Tổng điểm 50)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
						(1)	(2)	(3)		
1	GVL.01	Cao Tiến Đạt	2001	Bình Định	Giảng viên Luật Quốc tế, Khoa Luật	77.2	35.5		<b>77.2</b>	
2	GVG.01	Nguyễn Thị Khánh Hòa	1983	Ninh Bình	Giảng viên Giáo dục và Phát triển	74.6	39		<b>74.6</b>	
3	GVDL.01	Lê Minh Phương	1994	Hải Phòng	Giảng viên Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Quản trị kinh doanh	74	31.5		<b>74</b>	
4	KHCB.01	Bùi Hoàng Ngọc Anh	2001	Phú Thọ	Trợ lý khoa, Khoa Khoa học cơ bản	35	27	5	<b>40</b>	
5	KHCB.02	Lê Dương Hùng	2003	Quảng Trị	Trợ lý khoa, Khoa Khoa học cơ bản	42.5	30.5	5	<b>47.5</b>	
6	KHCB.03	Nguyễn Thu Trang	2003	Hà Nội	Trợ lý khoa, Khoa Khoa học cơ bản	22.5	28		<b>22.5</b>	
7	KT-PC01	Nguyễn Hương Giang	1991	Hưng Yên	Chuyên viên Kiểm tra nội bộ, Pháp chế, Phòng Tổ chức Hành chính	44	36.5		<b>44</b>	
8	TCKT.01	Nguyễn Thị Hương Giang	2003	Phú Thọ	Chuyên viên Tài chính Kế toán, Phòng Tài chính Kế toán	4	21		<b>4</b>	



STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Vị trí dự tuyển	Thi giảng/viết (Tổng điểm 100)	Điểm phỏng vấn (Tổng điểm 50)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
9	TCKT.02	Trần Ngọc Linh	1989	Ninh Bình	Chuyên viên Tài chính Kế toán, Phòng Tài chính Kế toán	51	30.5		<b>51</b>	
10	TCKT.03	Nguyễn Mai Nhung	2001	Hưng Yên	Chuyên viên Tài chính Kế toán, Phòng Tài chính Kế toán	34.5	28		<b>34.5</b>	
11	TCKT.04	Lê Thị Tình	1989	Hà Nội	Chuyên viên Tài chính Kế toán, Phòng Tài chính Kế toán	23.25	30		<b>23.25</b>	
12	TCKT.05	Trần Hà Trang	1990	Hà Tĩnh	Chuyên viên Tài chính Kế toán, Phòng Tài chính Kế toán	11	29.5		<b>11</b>	
13	QKNT.01	Nguyễn Duy Bình	1986	Hà Nội	Chuyên viên Quản lý Khu nội trú, Phòng Tổ chức Hành chính	45.5	30.5		<b>45.5</b>	
14	QKNT.03	Nguyễn Thị Huyền	1990	Hưng Yên	Chuyên viên Quản lý Khu nội trú, Phòng Tổ chức Hành chính	40.5	34		<b>40.5</b>	
15	QKNT.04	Đặng Phương Liên	1994	Thanh Hóa	Chuyên viên Quản lý Khu nội trú, Phòng Tổ chức Hành chính	43.5	32.5		<b>43.5</b>	
16	QKNT.05	Trần Nhật Minh	2001	Hải Phòng	Chuyên viên Quản lý Khu nội trú, Phòng Tổ chức Hành chính	37.5	30		<b>37.5</b>	
17	QKNT.07	Đào Thị Tuyền	1995	Hà Nội	Chuyên viên Quản lý Khu nội trú, Phòng Tổ chức Hành chính	54.5	31.5		<b>54.5</b>	
18	CTSV.01	Lê An Ni	1982	Hà Nội	Chuyên viên Văn phòng dịch vụ sinh viên, Phòng Công tác sinh viên	56.5	29.5		<b>56.5</b>	

PHỤ  
C VIÊN  
HỮU NỮ  
T NAM

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Vị trí dự tuyển	Thi giảng/viết (Tổng điểm 100)	Điểm phỏng vấn (Tổng điểm 50)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
19	CTSV.02	Nguyễn Thị Lâm Oanh	1997	Bắc Ninh	Chuyên viên Văn phòng dịch vụ sinh viên, Phòng Công tác sinh viên	62.5	31.5		62.5	
20	CTSV.03	Nguyễn Đình Thêm	1993	Hà Tĩnh	Chuyên viên Văn phòng dịch vụ sinh viên, Phòng Công tác sinh viên	38.5	30.5		38.5	
21	TTKN.01	Nguyễn Thu Hương	1987	Thanh Hóa	Chuyên viên Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	46	34.5		46	
22	TTKN.02	Nguyễn Thị Phương Linh	1992	Phú Thọ	Chuyên viên Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	37.5	28.5		37.5	
23	TTKN.03	Ngô Hà My	2001	Hung Yên	Chuyên viên Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	53.5	29.5		53.5	
24	QL-GL.01	Nguyễn Thị Hải Sâm	1987	Phú Thọ	Chuyên viên Phòng Quản lý cơ sở Học viện tại Gia Lâm	70.5	32		70.5	

**Nơi nhận:**

- Thành viên Hội đồng;
- Website Học viện, email các thí sinh;
- Lưu: VT, TCHC.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**



**Trần Quang Tiến**  
**Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam**